

Tiếp nhận “*Truyện Kiều*” ở Nam Bộ qua khảo sát trường hợp phó phẩm “*Kim Vân Kiều ca*”

Nguyễn Thanh Phong

Trường Đại học An Giang, Đại học Quốc gia Tp Hồ Chí Minh

Email: ntphong@agu.edu.vn

Ngày nhận bài: 03/7/2021; Ngày duyệt đăng: 05/10/2021

Tóm tắt

“*Kim Vân Kiều ca*” là một trong những “phó phẩm” quan trọng của “*Truyện Kiều*” ra đời ở Nam Bộ cuối thế kỷ XIX. Đây được xem là bản tóm tắt ngắn gọn bằng văn vần kiệt tác “*Truyện Kiều*” của đại thi hào Nguyễn Du. Tác giả của phó phẩm này có thể là một nhà nho đặc biệt yêu thích “*Truyện Kiều*”, lại am tường phương ngữ và tâm lý tiếp nhận văn học của người Nam Bộ. “*Kim Vân Kiều ca*” đã không chỉ làm chiếc cầu nối cho đông đảo công chúng bình dân miền Nam tiếp cận kiệt tác văn học đỉnh cao về nghệ thuật diễn ngôn của dân tộc, mà còn góp phần truyền bá sâu rộng câu chuyện cuộc đời nàng Kiều ở vùng đất này. Thông qua việc khảo sát phó phẩm “*Kim Vân Kiều ca*”, bài viết giới thiệu đến bạn đọc một khuynh hướng tiếp nhận “*Truyện Kiều*” thú vị ở Nam Bộ.

Từ khóa: *Kim Vân Kiều ca, Nam Bộ, nhà nho, Truyện Kiều*

Receiving “*Tale of Kiều*” in Southern Vietnam through the case survey of secondary work “*Kim Vân Kiều ca*”

Abstract

“*Kim Vân Kiều ca*” is one of the important “secondary works” of “*Tale of Kiều*”, appeared in Southern Vietnam in the late 19th century. This is considered a brief verse summary of the masterpiece “*Tale of Kiều*” by the great poet Nguyen Du. The author of this work may be a Confucian who is especially fond of “*Tale of Kiều*”, and is well-versed in dialects and the psychology of receiving Southern literature. “*Kim Vân Kiều ca*” has not only served as a bridge for the general public in Southern Vietnam to access the pinnacle literary masterpiece of the nation's discourse art, but also contributed to spreading the story of Kiều in this land. Through studying the secondary work “*Kim Vân Kiều ca*”, the article introduces readers to an interesting tendency to receive the “*Tale of Kiều*” in Southern Vietnam.

Keywords: *confucianist, Kim Vân Kiều ca, Tale of Kiều, Southern Vietnam*

1. Phó phẩm – một hình thức cải biên *Truyện Kiều* ở Nam Bộ

“Phó phẩm” là thuật ngữ mà nhà nghiên cứu truyện thơ Nôm Nam Bộ nổi tiếng Nguyễn Văn Sâm thường dùng. Ngoài từ này ra, thập niên 60 của thế kỷ trước, nhà

nghiên cứu văn học Nam Bộ Thuận Phong Ngô Văn Phát cũng đã sử dụng từ “phó sản” với ý nghĩa tương tự trong các bài viết của mình (Thuận Phong Ngô Văn Phát, 1965: 35). Theo đó, “phó phẩm”, “phó sản” hay “phụ phẩm” của *Truyện Kiều* là thuật ngữ

chỉ những tác phẩm ra đời ở Nam Bộ trong giai đoạn truyền bá rộng rãi nhất của kiệt tác này vào cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, được các nhà nho sáng tác bằng chữ Nôm hoặc chữ quốc ngữ dưới nhiều hình thức thể loại khác nhau như thơ lục bát, thơ bảy chữ, thơ bảy chữ xen tám chữ, ... với dung lượng không đồng đều để giới thiệu nội dung *Truyện Kiều*. Tất cả đều mang đặc điểm chung là giản lược hơn so với tác phẩm gốc, phản ánh rõ đặc trưng phương ngữ Nam Bộ, vừa kế thừa ngôn ngữ trong nguyên bản tác phẩm, cũng vừa mang đậm dấu ấn sáng tạo nghệ thuật của tác giả miền Nam.

Về mặt giá trị, đầu tiên cần khẳng định các phó phẩm này có vai trò quan trọng trong việc truyền bá *Truyện Kiều* rộng rãi khắp Nam Bộ. Trong điều kiện vùng đất Nam Bộ mới được khai khẩn, mật độ dân cư còn thưa thớt, thành phần chủ yếu là nông dân có học vấn không cao, số lượng trí thức Nho học chưa nhiều như Bắc và Trung Bộ, thì việc truyền bá *Truyện Kiều* với dung lượng dài và văn phong trau chuốt, dụng điển tăn suất cao, khiến cho việc tiếp nhận gặp nhiều hạn chế. Chính lúc đó, việc ra đời các phó phẩm chữ Nôm với ưu điểm ngắn gọn, dễ hiểu, văn vần, ít dụng điển, giọng điệu miền Nam khiến cho nhiều người tiếp cận được với tác phẩm hơn thông qua phương thức truyền miệng, chứ không hẳn do họ đọc được văn bản chữ Nôm của các phó phẩm. Mặt khác, các phó phẩm này góp phần tạo nên sức sống của *Truyện Kiều* ở vùng đất mới, góp phần tái hiện những giá trị văn hóa cổ xưa của dân tộc đã được nhiều thế hệ thừa nhận, qua đó cũng khẳng định lại giá trị văn học to lớn của *Truyện Kiều*, đúng như nhận định của Nguyễn Văn Sâm: “*Căn cứ trên số phó phẩm đó ta thấy rõ rằng giá trị của Đoạn trường tân thanh và thấy ngay ảnh hưởng vô vàn sâu đậm trong*

dân gian cũng như học giới của miền đất mới phía Nam” (Đoàn Lê Giang và Huỳnh Như Phương, 2015: 702).

Từ lâu, giới nghiên cứu *Truyện Kiều* ở Việt Nam đều biết rằng, kiệt tác văn học này trong quá trình truyền bá ở Nam Bộ đã khiến hình thành nhiều phó phẩm khác nhau. Tiêu biểu có thể kể là *Kim Vân Kiều ca*, *Túy Kiều phú*, *Túy Kiều án* (Trần Phong Sắc), *Án Túy Kiều* (Nguyễn Liên Phong), *Hoạn Thư bắt Kiều* (Lê Hoàng Mưu), ... Trong đó, *Kim Vân Kiều ca* được xem là tác phẩm có mức độ phổ biến rộng rãi và tầm ảnh hưởng lớn chỉ sau *Túy Kiều phú*. Nguyễn Văn Sâm là người đã dành nhiều thời gian và công sức sưu tầm, phiên âm và nghiên cứu các “phó phẩm” của *Truyện Kiều* ở Nam Bộ, cũng là người đầu tiên phiên âm và giới thiệu *Kim Vân Kiều ca* ra chữ quốc ngữ năm 2015. Đương nhiên, trước khi Nguyễn Văn Sâm công bố bản chuyển ngữ tác phẩm này thì đã có rất nhiều học giả, nho sỹ trí thức Nam Bộ biết đến qua bản chép tay chữ Nôm lưu truyền ở nhiều nơi, hoặc qua phương thức truyền miệng của các cụ đồ Nho ngày trước. Đáng tiếc là từ trước tới nay, chưa có học giả nào nghiên cứu bàn bạc về nguồn gốc ra đời, đặc trưng sáng tác và tiếp nhận, giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm này một cách cụ thể.

2. *Kim Vân Kiều ca*: Bản lược thuật *Truyện Kiều* ở Nam Bộ

Kim Vân Kiều ca là tác phẩm thơ Nôm ra đời cuối thế kỷ XX, được viết bởi một nhà nho khuyết danh tinh thông Hán Nôm và yêu thích *Truyện Kiều*, có thể sinh sống ở Nam Bộ vì vận dụng rất nhuần nhuyễn phương ngữ Nam Bộ. Tác phẩm văn vần dài 222 câu thơ, gồm câu thơ 7 chữ xen lẫn câu thơ 8 chữ (thất ngôn xen bát ngôn). Phó phẩm *Truyện Kiều* này ra đời sau khi tác giả đã tham khảo một bản *Truyện Kiều* nào đó

đã lưu hành ở Nam Bộ, ước đoán có thể là bản Nôm Duy Minh Thị 1872 hoặc bản quốc ngữ của Trương Vĩnh Ký 1875. Từ đó có thể suy đoán *Kim Vân Kiều ca* ra đời từ khoảng thập niên 70 đến 80 của thế kỷ XIX.

Về mặt văn bản, hiện nay, các nhà nghiên cứu biết đến tác phẩm này chủ yếu qua bản chép tay bằng chữ Nôm được lưu trữ tại Thư viện Quốc gia Việt Nam (Hà Nội), ký hiệu R560, trang 1-4, kích thước 29x16 cm, với lời mô tả: “*Bài ca thể song thất lục bát kể tóm tắt Truyện Kiều: “Xem truyện cũ triều Minh Gia Tĩnh, Có hai người con gái họ Vương. Thúy Vân kia mày mặt nở nang, Chị Thúy nọ khôn ngoan sắc sảo!”*. *Lời ý đều mộc mạc, thể hiện sự yêu thích tác phẩm của thi hào Nguyễn Du*” (Ngô Đức Thọ, 2008). Hiện nay, bản chép tay này đã được công bố trên nhiều kho tư liệu trực tuyến của Thư viện Quốc gia Việt Nam¹, Hội bảo tồn di sản Nôm², Thư viện số hóa Đông Nam Á³, ...

Ngoài ra, ở miền Bắc còn lưu truyền một tác phẩm khác cùng có tên là *Kim Vân Kiều ca*. Đây là tập sách tập hợp những bài hát trống quân lấy đề tài từ *Kim Vân Kiều truyện* do Lương Gia Tử biên tập, ký hiệu sách là AB.222 lưu trữ tại Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm, dung lượng 26 trang (Trần Nghĩa và Lương Thị Thu, 2015: 397). Ngoài ra, Thư viện số hóa Đại học Yale (Hoa Kỳ) cũng có lưu trữ một bản *Kim Vân Kiều ca* với nội dung tương tự, chép tay bằng bút bi trên giấy tập học trò chung với *Hải Dương phong vật khúc*, ước đoán sao chép trong khoảng 1946-1956, dung lượng 392 câu viết bằng chữ Nôm có phiên âm chữ quốc ngữ kèm theo phía dưới. Trên bìa sách ngoài tên sách *Kim Vân Kiều ca*, ký

hiệu AB.222, còn có dòng chữ Hán “Thành Thái thập cửu niên trung thu bát nguyệt biên thành chi cát” (chép thành sách vào ngày lành tháng 8 Trung thu năm Thành Thái thứ 19, tức năm 1907), và dòng chữ cho biết danh hiệu của tác giả “Đào Nguyên Ngọc Thụ Lương Gia Tử thừa biên”, đáng chú ý là cặp câu đối “Vương thị lưu truyền tồn danh tích, Minh triều uy chấn thượng Nam thủy” (Họ Vương lưu truyền còn tên họ, triều Minh chuyện cũ chấn cõi Nam) (Khuyết danh, 1946-1956). “Cõi Nam” mà cặp câu đối đề cập chính là Việt Nam, trong sự đối sánh với cõi Bắc là Trung Quốc, chứ không phải chỉ vùng đất Nam Bộ. Các bản *Kim Vân Kiều ca* này không phải là bản miền Nam mà chúng tôi muốn khảo sát.

3. Một số đặc điểm nội dung và hình thức của *Kim Vân Kiều ca*

Kim Vân Kiều ca được sáng tác dựa trên nguyên bản *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, nhiều dấu ấn của nguyên tác vẫn còn được lưu giữ trong tác phẩm này. Đó có thể là dấu ấn về việc sử dụng câu chữ trong nguyên tác, như khi miêu tả Thúy Vân thì viết rằng “*Thúy Vân kia mặt mày nở nang*” (câu 3), trong khi nguyên tác là “*Khuôn trăng đầy đặn nét ngài nở nang*” (câu 20); còn khi miêu tả Thúy Kiều thì viết rằng “*Chị Kiều nọ khôn ngoan sắc sảo*” (câu 4), trong khi nguyên tác là “*Kiều càng sắc sảo mặn mà*” (câu 23). Hay khi Thúy Kiều khuyên Từ Hải trở giáo đầu hàng triều đình, ngôn từ của nàng cũng tương tự với nguyên tác “*Như Hoàng Sào, Ô Viện có ai khen*” (câu 174), còn trong nguyên tác là “*Nghìn năm ai có khen đầu Hoàng Sào*” (câu 2496). Hoặc ở đoạn cuối tác giả thể hiện thái độ khiêm nhường, dường như học hỏi

¹ Kho tàng thư tịch cổ Hán Nôm, <http://hannom.nl.v.gov.vn>

² <http://nomfoundation.org>

³ Southeast Asia Digital Library, <https://sea.lib.niu.edu>

từ cách nói của Nguyễn Du “*Lời quê chấp nhứt đông dài/ Mua vui cũng được một vài trống canh*” (câu 3253-3254), qua hai câu thơ cuối cùng khép lại tác phẩm “*Như thế ấy lấy trong cổ truyện/ Dầu dờ hay lấy đấy làm ghi*” (câu 221-222). Rõ ràng, qua những dấu ấn đó, ta hình dung được tác giả “lấy trong cổ truyện” như thế nào, vừa đọc *Truyện Kiều* vừa rút tía câu chữ tinh yếu ra sao để có được một phó phẩm mang xương cốt, da thịt của nguyên bản.

Là bản thu gọn với dung lượng 222 câu thơ của nguyên tác *Truyện Kiều* dài 3254 câu thơ, đặc điểm nổi bật nhất của phó phẩm này là sự tinh gọn. Câu hỏi đặt ra là, tác giả khuyết danh đã tinh gọn nội dung của tác phẩm bằng cách thức nào, dựa trên những nguyên tắc nào? Có thể chỉ ra một vài phương thức giản lược như sau:

Thứ nhất, *Kim Vân Kiều ca* đã giản lược hết các đoạn luận đề, những đúc kết triết lý của Nguyễn Du, chỉ tập trung mô tả diễn biến nội dung cốt truyện theo kiểu nói thẳng, nói gọn sự việc như thói quen dụng ngữ của người Nam Bộ. Nói cách khác, nếu *Truyện Kiều* Nguyễn Du dành không ít dung lượng để bàn luận về thuyết tài mệnh tương đố, thiên mệnh thần quyền, hồng nhan bạc phận, nhân quả báo ứng, ... thì trong *Kim Vân Kiều ca* hầu như không còn thấy nữa. Chẳng hạn, bắt đầu *Truyện Kiều*, Nguyễn Du viết một đoạn dài bàn về thuyết tài mệnh tương đố, quy luật bù trừ thì trong *Kim Vân Kiều ca*, nhà nho khuyết danh đã vào thẳng câu chuyện với “*Xem truyện cũ trào Minh Gia Tĩnh/ Có hai người con gái họ Vương*” (câu 1-2). Điều này khiến cho tác phẩm không còn nặng tính triết luận, mà đậm đặc tính tự sự. Các tình tiết, sự kiện của câu chuyện được thuật kể một cách dồn nén, nối tiếp.

Thứ hai, không chỉ lược bỏ các đoạn

triết luận, *Kim Vân Kiều ca* cũng lược bỏ nhiều đoạn không quan trọng trong nguyên bản *Truyện Kiều* như: (1) Đoạn chị em Kiều ngày tiết Thanh minh đi tảo mộ, đêm về Kiều trần trọc nhớ nhung Kim Trọng, rồi mơ thấy Đạm Tiên về báo có tên trong sổ đoạn trường (thay vào đó, Đạm Tiên đã ứng hiện về cho mười bài đoạn trường thi ngay trong lúc Kiều viếng mộ nàng trong hội đạp thanh); (2) Đoạn Kim Trọng từ Liêu Dương trở lại Bắc Kinh tìm đến thăm nhà Thúy Kiều; (3) Đoạn Kim Trọng và Vương Quan học hành thi cử đỗ đạt rồi được bổ nhiệm làm quan; ... Những đoạn này không thấy tác giả khuyết danh nhắc đến trong phó phẩm.

Thứ ba, không đến mức lược bỏ hoàn toàn, *Kim Vân Kiều ca* đã giản lược rất nhiều tình tiết, sự kiện vốn có trong nguyên tác, nghĩa là có đề cập đến nhưng với số câu chữ ít ỏi. Chẳng hạn, trong đoạn Kiều gặp Kim Trọng trong tiết Thanh minh, tác giả chỉ miêu tả ngắn gọn trong 2 câu “*Gốc phù dung gặp gỡ Trọng lang/ Tạ từ rồi khách khách lai hàng*” (câu 26-27), chính vì thế không thể có những miêu tả chi tiết, sắc sảo những cử chỉ, hành động, tâm lý của nhân vật như trong nguyên tác của Nguyễn Du. Hay đoạn Thúy Kiều báo ân báo oán chỉ được miêu tả ngắn gọn trong 2 câu “*Giả ân oán bất bình phen lưu lạc/ Khi ân oán bể hồ voi tát*” (câu 168-169). Hoặc ở đoạn cuối, toàn bộ quá trình đi tìm kiếm nàng Kiều của gia đình chỉ được phản ánh ngắn gọn trong 3 câu “*Vợ chồng Vân với cả chàng Vương/ Đem nhau đến sông Tiền Đường sấm hối/ Bên kia sông lập đàn tràng sấm hối*” (câu 207-209), trong đó có một câu dường như lặp ý dư thừa mà tác giả chưa kịp gạch bỏ trong nguyên bản chữ Nôm.

Việc lược bỏ hoàn toàn hoặc giản lược ngắn gọn đó dẫn đến một hiện tượng là

nhiều nhân vật thứ yếu trong nguyên tác không thấy được đề cập đến trong phó phẩm này như: tiểu đồng của Kim Trọng, bà mối gả bán Thúy Kiều, bọn Ưng Khuyển, bà quản gia nhà Hoạn Thư, nàng Tiểu Kiều ở lầu xanh, ...; trong khi đó, nhiều nhân vật phụ khác cũng đã kịp ghi dấu của mình một cách sơ sài trong phó phẩm như Thăng bán tơ, Đề Chung (Chung Ông), Tam Hợp, Bạc Bà, Bạc Hạnh, ...

Trong lúc giản lược một số đoạn không quan trọng, tác giả của phó phẩm này lại đặt sự chú ý của mình vào một số phần đoạn khác, bằng cách sử dụng một lượng câu khá nhiều so với chỉnh thể kết cấu của tác phẩm, để miêu tả tình tiết, sự kiện đó. Chẳng hạn, đoạn Kiều viếng mộ Đạm Tiên dài 11 câu (câu 12-22) tả cảnh Kiều dạo chơi bắt gặp mộ Đạm Tiên, động lòng xót thương mới hỏi Vương Quan lai lịch người dưới mộ, nghe xong nàng rơi lệ đốt hương tế mộ, sau đó hồn Đạm Tiên hiện về đưa nàng 10 bài *Đoạn trường thi*, Kiều đọc xong vô cùng lo lắng sợ hãi. Hoặc ở đoạn kể chuyện Kim Trọng nhặt được thoa rồi tìm cách trả lại Thúy Kiều, tác giả dùng 10 câu (31-40) để tường thuật, từ chỗ báo đó là duyên do trời sắp đặt, Kim Trọng nhặt được thoa vàng, mê mẩn ngắm nhìn, rồi thấy Kiều đi tìm và lên tiếng xin lại, chàng trao trả rồi bắt chuyện kết thân. Hoặc đoạn Hoạn Thư bắt Kiều về hành hạ trong phủ dài 9 câu (câu 108-116), đoạn Hoạn Thư sai Kiều đàn hầu tiệc tẩy trần mừng Thúc Sinh trở về dài 15 câu (câu 120-134), và cả đoạn Thúy Kiều gieo mình tự trầm trên sông Tiền Đường được Giác Duyên cứu giúp dài 16 câu (câu 191-206) cũng được miêu tả kỹ càng. Điều đó cho thấy, trong một kết cấu cô đọng 222 câu mà tác giả đã dành nhiều câu như vậy kể cụ thể diễn biến sự kiện, chắc hẳn là có sự quan tâm đặc biệt nào đó. Đây cũng là

những đoạn hiểm hoi miêu tả diễn biến nội tâm và tính cách nhân vật, khiến cho tác phẩm có nhiều sức hấp dẫn hơn đối với công chúng. Chẳng hạn, một Kim Trọng hào hoa phong nhã nhưng cũng rất si tình đã hiện lên trong tưởng tượng của độc giả, khi những dòng thơ khắc họa tâm trạng suy tư bồi hồi của chàng vì bắt gặp thoa vàng được viết ra: “*Trước án tiền ý hời tê mê/ Nhác nghe tiếng bên kia xin lại/ Tay cầm thoa còn đương ngần ngại/ Dựa án thư giấc hời mơ màng*”. Hoặc trong đoạn Hoạn Thư bày tiệc “đánh ghen tinh thần” Thúy Kiều, qua những câu thơ nhuần nhị tinh tế của tác giả, công chúng hình dung được sự cay nghiệt của người đàn bà Hoạn Thư, sự nhu nhược của người đàn ông Thúc Sinh và sự đau đớn tủi nhục ê chề của nàng Kiều: “*Truyền lấy rượu luận công gia tướng/ Đuổi nàng xuống thị hầu dưới trướng/ Hoạn Thư ngồi tiệc thượng cười thâm/ Tính làm cho bỏ lúc đau ngảm/ Chén rượu chuốc phải cầm uống gượng/ Giả say quá làm điều gục xuống/ Hoạn Thư liền thét mắng con hoa/ Diêu Thiên kia còn muốn chồng ta/ Khuyên chẳng cặn, khôn qua tiến trượng/ Thương mà sợ phải ngồi uống gượng/ Trông mặt chàng hình trạng ủ ê/ Hoạn Thư ngồi trướng rủ màn che/ Thấy hai mặt e dè khắc túc/ Giao quyền bính lại cho chàng Thúc/ Toan làm cho sỉ nhục cả hai người*”.

Kim Vân Kiều ca là phó phẩm mang đậm dấu ấn ngôn ngữ Nam Bộ, một thứ ngôn ngữ chân phương mộc mạc, ít sự trau chuốt bóng bẩy, gần gũi với lời ăn tiếng nói thường ngày của người bình dân. Cách dụng ngữ đó được thể hiện trong những câu nói theo tập quán đặt câu của người Nam Bộ như “*Hỏi Vương Quan cho tỏ sự duyên do*” (câu 14), “*Hồng nhan cũng một đồ trong cuộc thế*” (câu 16), “*Lúc tai họa dất nhau vào lối chạt*” (câu 53), “*Đem đầu vào lễ chú*

Đề Chung” (câu 66), “*Lại một mụ vắt chun ngồi ghé chéo*” (câu 80), “*Chẳng may gặp bắt nhân thằng họ Sở*” (câu 92), “*Chẳng may ra gặp con mụ Bạc/ Chính nó là một tổ bọm già*” (câu 149-150), “*May lại gặp anh hùng cứng cổ/ Nghiêng góc trời cò mở trống giông*” (câu 157-158), “*Thoắt nhìn qua nét mặt quá ưa*” (câu 162), ...

Cũng có khi màu sắc Nam Bộ được thể hiện ở cách dùng từ, đặc biệt là xen lẫn lời ăn tiếng nói thường ngày với từ Hán Việt, như “sa tâm tuất cập”, “trào Minh”, “viếng mả”, “giờ giọng lần khăn”, “cung đàn xê công”, “thong dong”, “cụ trần”, “Giám sanh”, “Thúc sanh”, “chánh thê bắt tháo”, “cửu lưu thần”, ... Dù chú trọng thuật kể cốt truyện dựa trên tình tiết sự kiện, nhưng do không quá quan tâm mô tả ngoại cảnh và nội tâm nhân vật, nên đôi khi tác phẩm có chút khô khan thô cứng. Tuy nhiên, ở nhiều chỗ, lời thơ đã giàu hình ảnh và mềm mại hơn khi tác giả miền Nam sử dụng nhiều văn liệu, thi liệu, điển cố của văn học cổ điển phương Đông như “tiếng đồ quyền gáy giục”, “xuân huyền”, “khóa buông xuân”, “thân bò liễu”, “mưa Tần gió Sở”, “trả nợ bông tang”, “duyên ưa cá nước”, ... Điều đó đủ tạo cảm xúc thẩm mỹ nơi độc giả Nam Bộ.

Đọc *Kim Vân Kiều ca*, độc giả không còn thấy rõ dấu ấn của thời gian diễn tiến và không gian địa lý nữa. Điều này hoàn toàn đối lập với một *Truyện Kiều* dày đặc dấu ấn thời gian xuân hạ thu đông, ngày sớm đêm hôm, mùa tiết tháng năm; và cũng đầy dấu ấn không gian gắn liền với các địa danh, địa hình, địa vật, cả không gian vật lý lẫn không gian tâm tưởng. Phó phẩm này đặt nặng yêu cầu kể chuyện, với đầy ắp các tình tiết sự kiện, nên gần như không chú ý miêu tả diễn biến của thời gian. Về không gian, ngoài sự xuất hiện của địa danh “sông Tiền” (Tiền

Đường) và “Lâm Thanh” ra, không còn một địa danh cụ thể nào khác. Nhất là khi cách gọi tắt sông Tiền Đường là “sông Tiền” trong “*Bảo hồng nhan còn vương nạn sông Tiền*” (câu 86), “*Hỏi mới biết sông Tiền là đấy*” (câu 192), dù biết rằng tác giả muốn nói đến sông Tiền Đường ở Trung Quốc, nhưng đối với những người chưa từng đọc nguyên tác thì khó mà trách họ hiểu nhầm đó là con sông Tiền quen thuộc ở Nam Bộ, nhất là khi dấu ấn không gian Trung Quốc trong tác phẩm không còn hiện diện rõ nét. Điều này phần nào chứng tỏ xu hướng bản địa hóa của phó phẩm này trong bối cảnh văn hóa Nam Bộ.

Không chỉ diễn thuật lại một cách trung thành nội dung dựa trên nguyên tác của Nguyễn Du, *Kim Vân Kiều ca* còn cho ta thấy đây đó vài chỗ khác biệt so với nguyên tác. Chẳng hạn, có một số thay đổi mang tính chủ ý hoặc vô tình của tác giả về địa danh, như “Lâm Thanh” là nơi mà Bạc Hạnh mang Kiều đến bán vào lầu xanh lần thứ hai (“*Dắt díu nhau đem bán Lâm Thanh*”, câu 155), trong khi trong nguyên tác thì đó là Châu Thai (“*Cửa hàng buôn bán Châu Thai*”, câu 2105). Hoặc cũng có sự thay đổi về nhân vật như đoạn Thúy Kiều trốn nhà họ Hoạn mang theo chuông khánh đến tu với sư Tam Hợp (“*Đem đầu vào lạy Tam Hợp sư già*”, câu 147) chứ không phải Giác Duyên như trong nguyên tác (“*Giác Duyên sư trưởng lành lòng liền thương*”, câu 2040); còn người báo với Giác Duyên chuyện giống chuông khánh nhà Hoạn Thư là Bạc Bà (“*Chẳng may ra gặp con mụ Bạc/ Chính nó là một tổ bọm già/ Bảo Sư rằng chuông khánh Hoạn gia*”, câu 149-151), chứ không phải là một nữ Phật tử nào đó như trong nguyên tác (“*Có người đàn việt lên chơi cửa già/ Giờ đồ chuông khánh xem qua/ Khen rằng: Khéo*

giống của nhà Hoạn nương”, câu 2064-2066). Hoặc có sự thay đổi trong kết thúc có hậu của câu chuyện, Kim Trọng “nghĩ lại tình xưa”, “chẳng quản chi hoa thối hương thừa” nên đã tái hợp hạnh phúc cùng với Thúy Kiều, trong khi nguyên tác thì hai người “*Đem tình cầm sắt đổi ra cầm kỳ*” (câu 3110). Kết cục có hậu này phản ánh quan niệm nhân sinh “ngộ - biến - ly - hợp” chất phác của người Nam Bộ.

4. Một vài đặc điểm tiếp nhận Truyện Kiều ở Nam Bộ

Có thể nhận thấy, câu chuyện về nàng Kiều đã thông qua nhiều loại văn bản khác nhau lưu truyền rộng rãi trên đất Nam Bộ, bao gồm nguyên tác *Truyện Kiều* của Nguyễn Du mà nhiều nhà nho miền Nam đến nay còn lưu giữ với bản Kiều Duy Minh Thị hay bản phiên âm quốc ngữ của Trương Vĩnh Ký, cùng với các phó phẩm như *Túy Kiều phú*, *Kim Vân Kiều ca*, ... Trong khi *Truyện Kiều* có dung lượng lớn, phù hợp với đối tượng tiếp nhận có bề dày học vấn và năng lực thẩm mỹ nhất định, còn *Túy Kiều phú* tuy ngắn hơn nhưng vẫn còn khá dài với 478 câu thơ, thì *Kim Vân Kiều ca* đã được rút gọn chỉ còn 222 câu. Điều này rõ ràng thuận tiện hơn cho đối tượng độc giả chỉ chú trọng tiếp nhận cốt truyện tác phẩm.

Mặt khác, dù không quá quan tâm đến vấn đề triết luận mơ hồ, nhưng nho sỹ Nam Bộ lại rất chú ý đến chức năng tuyên giảng đạo đức luân lý của tác phẩm. Điều này thể hiện ở chỗ trong *Kim Vân Kiều ca* xuất hiện nhiều câu nhấn mạnh luân thường Nho giáo, như “*Chàng có quyết cương thường đại đạo*” (câu 45), “*Thơ nhà chàng hiếu phục nghiêm thân*” (câu 50), “*Chữ hiếu trung trông thấy đau lòng/ Hai tay trắng sao xong lẽ phải*” (câu 59-60), “*Đạo làm con để thế trông vào*” (câu 63), “*Muốn sao cho trung*

hiếu vẹn tuyền” (câu 171) hay “*Như nàng đủ nhân trung hiếu ngãi*” (câu 116), ... Rõ ràng, *Kim Vân Kiều ca* đã không nằm ngoài dòng văn học đạo lý nhân sinh Nam Bộ, mà *Lục Vân Tiên* của Nguyễn Đình Chiểu là tác phẩm đi đầu trong việc phản ánh quan niệm trung hiếu tiết nghĩa nơi vùng đất phía Nam đang rất cần nề nếp trật tự.

Nguyễn Văn Sâm cho rằng *Kim Vân Kiều ca* và *Túy Kiều phú* là hai phó phẩm ảnh hưởng đến người dân Nam Bộ sâu đậm hơn bất kỳ tác phẩm nào khác. Nguyên nhân ông chỉ ra là do câu chữ mang đặc thù của vùng đất Nam Kỳ Lục tỉnh, tác phẩm này quen thuộc thân thương, có thể khơi gợi nhiều tâm tư đồng cảm của những người dân lưu lạc tha phương trên đất Nam Bộ. Ông cũng đề ngỏ một khả năng đây không phải là nguyên tác ra đời sớm nhất, mà có thể là văn bản sao chép và nhuận sắc từ văn bản khác có sớm hơn, cũng có khi chép lại từ trí nhớ của người thuộc lòng nào đó nên sự khác biệt câu chữ đôi chút là điều khó tránh khỏi. Ông còn hoài nghi rằng *Kim Vân Kiều ca* xuất hiện trước, người đời sau nhân đó có hứng khởi viết *Túy Kiều phú*.

Việc đưa ra những phán đoán về mặt văn bản, tác giả, niên đại ra đời, quá trình sao chép, ... là điều rất cần thiết khi nghiên cứu các tác phẩm truyện thơ Nôm khuyết danh trôi nổi trong dân gian ở Nam Bộ, nhất là khi tình hình lưu truyền sao chép sách vở trong giới nho sỹ trí thức miền Nam diễn ra khá phức tạp, tự phát; trong lúc những ghi chép liên quan đến đời sống văn học đương thời hiện nay còn khá thiếu thốn.

Kết luận

Cũng như hoạt động tiếp nhận và cải biên *Truyện Kiều* ở Bắc và Trung Bộ, không bao lâu sau khi được truyền rộng khắp miền Nam, kiệt tác này cũng đã tạo được một trào lưu cải biên rầm rộ trong giới nho sỹ trí thức

Nam Kỳ Lục tỉnh. Công việc này đã diễn ra theo hai hướng, một là giản lược nguyên tác của Nguyễn Du thành các tác phẩm thơ tự sự ngắn gọn (còn gọi phó phẩm), phù hợp với năng lực và nhu cầu tiếp nhận của đông đảo công chúng Nam Bộ; hai là cải biên thành các loại hình nghệ thuật khác như tuồng hát bội, cải lương, hội họa, kịch nói, phim ảnh.

Có thể thấy, việc cải biên và tái hiện *Truyện Kiều* ở Nam Bộ đã diễn ra theo hướng đại chúng hóa, bản địa hóa một cách rõ nét. Đó cũng là xu hướng phổ biến của hoạt động tiếp nhận văn học ở bất kỳ nơi đâu. Nếu không được cải biên, *Truyện Kiều* khó có thể truyền bá rộng rãi và ảnh hưởng lớn đến đất Nam Bộ với hình hài vốn có của mình. Nếu không phải là tác phẩm đạt đến độ hoàn mỹ như *Truyện Kiều*, thì khó có thể tạo được ở người thưởng thức miền Nam một làn sóng cải biên mạnh mẽ như vậy.

Tài liệu tham khảo

- Đoàn Lê Giang, Huỳnh Như Phương (Chủ biên) (2015). *Đại thi hào dân tộc, danh nhân văn hóa Nguyễn Du (Kỷ niệm 250 năm sinh Nguyễn Du)*. Tp Hồ Chí Minh, Nxb ĐHQG Tp Hồ Chí Minh.
- Trần Nghĩa, Lương Thị Thu (2001). Một số thông tin mới về Vương Thúy Kiều: Góp phần tìm hiểu *Truyện Kiều* theo góc nhìn khu vực. *Thông báo Hán Nôm học*, 397-403.
- Khuyết danh (1946-1956). *Kim Vân Kiều ca*. Thư viện Đại học Yale (Hoa Kỳ). Nguồn: http://findit.library.yale.edu/catalog/di_gcoll:4772.
- Ngô Đức Thọ (2008). *Giới thiệu Kim Vân Kiều ca*. Hội Bảo tồn di sản Nôm. <http://lib.nomfoundation.org/collection/1/volume/21/>.
- Thuần Phong Ngô Văn Phát (1965). Túy Kiều ở Đồng Nai. *Bách Khoa Thời đại*, số 209, 33-40.